

Bản án số: 23/2022/DS-PT

Ngày: 20/01/2022

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Lê Tự

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Kim L, sinh năm 1975; cư trú tại: Đội 5, thôn A, xã A1, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Hữu T - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV B - Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1967; cư trú tại: Thôn T1, xã A2, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Lê Thành Tr - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1972; cư trú tại: Khu vực 4, phường Q, tp. Q1, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị Kiều L, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp 4, xã Phạm Văn

Cội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Anh Hoàng Anh V, sinh năm 1979; cư trú tại: 5.06 tầng 5, số 353/30 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh; có mặt.

4. Chị Hoàng Kiều Th, sinh năm 1981; cư trú tại: Khu vực 6, phường Q, tp. Q1, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

5. Anh Hoàng Anh T2, sinh năm 1983; cư trú tại: 1.15 lô A, chung cư Sơn Kỳ, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; vắng mặt.

6. Chị Hoàng Thị Ngọc Th1, sinh năm 1987; cư trú tại: 723 E Prince'ton, spokane, WA 99207, USA; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị P, chị L, anh V, chị Th, anh T2, chị Th1: Chị Hoàng Thị Kim L; có mặt.

7. Cháu Hoàng Thị Duy T3, sinh năm 2006; có mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Đ; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đỗ Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim L:

Cha mẹ chị L là ông Hoàng Văn H1 và bà Lâm Thị M; ông H1 và bà M có 07 người con chung là chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị Kim L, chị Hoàng Thị Kiều L, anh Hoàng Anh V, chị Hoàng Kiều Th, anh Hoàng Anh T2 và chị Hoàng Thị Ngọc Th1. Ông H1 và bà M đã ly hôn năm 1997. Ly hôn, ông H1 được sở hữu nhà, đất thuộc thửa đất số 1833 tờ bản đồ số 09 diện tích 374m² (156m² đất ở và 218m² đất vườn) được tách từ thửa đất số 1542 tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại thôn T1, xã A2, huyện H, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số 02211 QSDĐ/C11 ngày 08/11/1997. Ông H1 chết năm 2013 không để lại di chúc, không có con riêng, con nuôi. Năm 2001, ông H1 và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi ông H1 chết bà Đ tiếp tục quản lý di sản ông H1 từ đó đến nay.

Chị yêu cầu bà Đ trả lại di sản của ông H1 là thửa đất số 1833 tờ bản đồ số 09 diện tích 374m² (156 m² đất ở và 218 m² đất vườn) tọa lạc tại thôn T1, xã A2, huyện H, tỉnh Bình Định và toàn bộ tài sản trên đất để 07 thừa kế của ông H1 quản lý, sử dụng. Chị nhận di sản để xây dựng lại làm nơi thờ cúng hương khói cho ông bà và là chỗ để anh em về sum họp như di nguyện của ông H1 lúc còn sống.

Bị đơn bà Đỗ Thị Đ trình bày:

Năm 2001, ông H1 có hỏi cưới bà Đ nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông H1 sống chung với nhau từ năm 2001 và có tất cả 04 người con nhưng 03 người đã chết trước ông H1 khi còn nhỏ, còn sống cháu Hoàng Thị Duy T3, sinh năm 2006. Ông H1 có tất cả 08 người con là chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị Kim L, chị Hoàng Thị Kiều L, anh Hoàng Anh V, chị Hoàng Kiều Th, anh Hoàng Anh T2, chị Hoàng Thị Ngọc Th1 và cháu Hoàng Thị Duy T3. Ông H1 chết năm 2013 không để lại di chúc.

Bà thống nhất đang quản lý, sử dụng di sản của ông H1 để lại là nhà đất thuộc thửa đất 1833 tờ bản đồ số 09 diện tích 156m² đất ở và 218m² đất vườn, tọa lạc tại thôn T1, xã A2, huyện H, tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, năm 2012 bà và ông H1 chi phí 150.000.000đ xây dựng lại nhà như hiện trạng hiện nay và 280.000.000đ (35.000.000đ/ô x 8 ô) xây dựng 08 ô cho thuê. Trong 08 ô có 04 ô của bà M nhưng tiền cho thuê thì bà M và các con lấy. Việc bà và ông H1 bỏ tiền ra xây dựng nhà có ông Trương Minh Đ1 biết và chứng kiến. Ngoài ra có ông Phong hiện trú tại LG, xã A2, huyện H là người đứng ra xây dựng 01 nhà. Trong thời gian bà sống chung với ông H1, các con ông H1 không người nào chịu chăm sóc, hiếu thảo với ông.

Bà yêu cầu chia thừa kế cho 08 người con. Tuy nhiên, bà yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản đã chi phí như trên, tiền cho thuê 08 ô kiốt 36.000.000đ (7.200.000đ/năm x 5 năm) và công sức đóng góp của bà. Bà không có chỗ ở nào khác nên yêu cầu nhận hiện vật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị Kim L; chị Hoàng Thị P; anh Hoàng Anh V trình bày:

Anh chị thống nhất như trình bày của nguyên đơn. Anh chị yêu cầu bà Đ trả lại di sản của ông H1 là thửa đất số 1833 tờ bản đồ số 09 diện tích 374 m² tọa lạc tại thôn T1, xã A2, huyện H, tỉnh Bình Định và thống nhất giao lại toàn bộ di sản cho chị L xây dựng lại làm nơi thờ cúng hương khói cho ông bà và là chỗ để anh em về sum họp như di nguyện của ông H1 lúc còn sống. Các anh chị em không yêu cầu chị L thanh toán lại kỷ phần.

Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 37, 38, 143, 147, Điều 228 của BLTTDS.

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 BLDS.

Căn cứ khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 63 của Luật HN-GĐ năm 2000.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chị Hoàng Thị Kim L được sở hữu, sử dụng thửa đất số 1833 tờ bản đồ số 09 diện tích 374 m² (trong đó 156 m² đất ở và 218 m² đất vườn) tọa lạc tại thôn T1, xã A2, huyện H, tỉnh Bình Định và toàn bộ tài sản trên đất.

2. Chị Hoàng Thị Kim L có nghĩa vụ thanh cho bà Đỗ Thị Đ số tiền 198.857.102đ (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn một trăm linh hai đồng).

3. Bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 được lưu cư 03 tháng trên thửa đất số 1833 tờ bản đồ số 09 diện tích 374 m² tọa lạc tại thôn T1, xã A2, huyện H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/6/2021, bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; với các lý do:

- Ông H1 với bà Đ là vợ chồng trên thực tế, có cưới hỏi và cháu T3 sinh ra trong thời kỳ bà Đ với ông H1 là vợ chồng nên là con chung giữa ông H1 với bà Đ.

- Kết quả giám định của Công ty TNHH di truyền IDAN do bà Liên cung cấp không có cơ sở pháp lý, mẫu do bà Liên tự cung cấp không phải của cháu T3.

- Các ki-ốt được xây dựng là tiền của bà Đ với ông H1 đóng góp xây dựng nên yêu cầu thanh toán lại cho bà Đ và buộc bà Liên bồi trả lại tiền bà Liên đã nhận tiền cho thuê của 07 ki-ốt từ năm 2013 đến năm 2017.

- Quá trình chung sống với ông H1 thì các con ông H1 là ông Hoàng Anh V và ông Hoàng Anh T2 đánh đập ông H1 gây thương tích nhưng không trút quyền thừa kế theo quy định của pháp luật

- Bà Đ và cháu H1 không có nơi ở khác nên yêu cầu chia hiện vật để bà Đ cùng cháu H1 có nơi ở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 không rút, thay đổi và bổ sung kháng cáo. Chị Hoàng Thị Kim L không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo và sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

theo hướng xác định cháu Hoàng Thị Duy T3 là con ông Hoàng Văn H1; chia thừa kế di sản của ông H1 cho cháu T3 và chia hiện vật cho cháu T3 và bà Đ để làm nơi ở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất nguồn gốc đất thuộc thửa đất số 1833, tờ bản đồ số 09, diện tích $374m^2$ (trong đó $156m^2$ đất ở và $218m^2$ đất vườn) tọa lạc tại thôn T1, xã A2, huyện H, tỉnh Bình Định là tài sản của ông Hoàng Văn H1 tạo lập từ trước năm 1997; ông H1 chết năm 2013, không để lại di chúc. Cho nên, diện tích đất $374m^2$ thửa đất số 1833, tờ bản đồ số 09 là di sản của ông H1.

[1.1] Theo kết quả xem xét thẩm định, định giá ngày 27/6/2018 và ngày 04/8/2019, diện tích đất $374m^2$ thửa đất số 1833, tờ bản đồ số 09 (**đo đạc thực tế $378,9m^2$**) là di sản của ông H1 có trị giá là: 968.264.000 đồng và được chia thừa kế theo pháp luật theo quy định tại Điều 650 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Theo lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim L, bị đơn bà Đỗ Thị Đ và kết quả xem xét thẩm định, định giá ngày 27/6/2018 và ngày 04/8/2019 thể hiện ngôi nhà trên thửa đất số 1833 được sửa chữa và xây dựng mới vào năm 2012, có trị giá là 397.714.204 đồng. Quá trình tố tụng các đương sự không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về tài sản, giá tài sản đã được Tòa án cấp sơ thẩm thẩm định và định giá. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất về nguồn gốc số tiền chi phí sửa chữa, xây dựng mới căn nhà năm 2012; cụ thể:

Bà Đ cho rằng bà Đ cùng ông H1 sửa chữa, xây dựng từ nguồn tiền có được từ việc bà và ông H1 chăn nuôi heo, làm ruộng, mượn không giấy tờ của các anh chị em nhưng bà Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền xây dựng và sửa chữa; số tiền mượn của ai, bao nhiêu. Trong quá trình tố tụng bà Đ có các lời khai không thống nhất về hạng mục sửa chữa, xây dựng mới, số tiền chi phí. Lời khai của nhân chứng Nguyễn Đình Phong, Lê Thị Hiền và Hoàng Anh Tuấn chỉ xác định năm 2012 ông H1 xây nhà; nguồn tiền xây dựng sửa chữa từ tiền nuôi heo, làm ruộng và đóng góp của các con ông H1. Vì vậy, lời khai của bà Đ không đủ cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, bà Đ đã cùng sống chung với ông H1 trong thời gian dài và quản lý di sản sau khi ông H1 chết là có công sức đóng góp; quản lý giữ gìn và tôn tạo di sản nhà, đất nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, trích công sức cho bà Đ tương ứng 1/2 giá trị nhà là 198.857.102 đồng là phù hợp, đã bảo đảm quyền lợi của bà Đ.

[1.3] Từ các nhận định trên [1.1] [1.2], Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định di sản của Hoàng Văn H1 để lại để chia thừa kế là:

- Thừa đất số 1833, tờ bản đồ số 09, diện tích 374m² (trong đó 156m² đất ở và 218m² đất vườn), có giá trị là: 968.264.000 đồng.

- Giá trị nhà (397.714.204 đồng - 198.857.102 đồng) là 198.857.102 đồng.

Tổng giá trị di sản là: 1.167. 121.102 đồng.

[2] Về hàng thừa kế.

[2.1] Ông Hoàng Văn H1 và bà Lâm Thị M, ông H1 và bà M có 07 người con chung là chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị Kim L, chị Hoàng Thị Kiều L, anh Hoàng Anh V, chị Hoàng Kiều Th, anh Hoàng Anh T2 và chị Hoàng Thị Ngọc Th1.

Năm 1997, ông H1 với bà M ly hôn; đến năm 2001, ông H1 kết hôn với bà Đỗ Thị Đ (không đăng ký kết hôn) và sinh cháu Hoàng Thị Duy T3, sinh ngày 29/12/2006.

[2.2] Nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim L cho rằng cháu Hoàng Thị Duy T3 không phải là con của ông Hoàng Văn H1 và cung cấp tài liệu là kết quả giám định của Công ty TNHH di truyền IDAN. Tuy nhiên, kết luận giám định của Công ty TNHH di truyền IDAN giữa chị L với cháu T3: “không có mối liên quan nào là gấp 18 lần với xác suất 94,81%” chưa đủ cơ sở để xác định cháu T3 không phải là con của ông H1. Bên cạnh đó, việc lấy mẫu để giám định do chị L thực hiện là không khách quan và việc xác định cha con của chị L là trái quy định tại Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 và Khoản 2, Điều 38 Bộ Luật Dân sự. Do đó, lời khai và tài liệu của chị L cho rằng cháu T3 không phải là con của ông H1 nêu trên không được xem là chứng cứ và không thể chấp nhận.

[2.3] Giấy khai sinh số 407, quyển số 03 do UBND xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn cấp ngày 29/12/2006; phần khai về cha là ông Hoàng Văn H1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Giấy khai sinh ghi ông H1 là cha trước khi có Quyết định công nhận việc cha nhận con là không phù hợp thủ tục đăng ký nhận cha con theo quy định tại Điều 34 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005...” để cho rằng ông H1 không làm thủ tục nhận con là không phù hợp và không đúng;

Vì: Việc đăng ký nhận con tại Điều 32, 33, 34 và 35 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ được quy định như sau:

“Điều 32. Điều kiện đăng ký việc nhận cha, mẹ, con

1. Việc nhận cha, mẹ, con theo quy định tại Mục này được thực hiện, nếu bên nhận, bên được nhận là cha, mẹ, con còn sống vào thời điểm đăng ký nhận cha, mẹ, con và việc nhận cha, mẹ, con là tự nguyện và không có tranh chấp.

Điều 33. Thẩm quyền đăng ký việc nhận cha, mẹ, con

Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con thực hiện việc đăng ký việc cha, mẹ, con.

Điều 34. Thủ tục đăng ký việc nhận cha, mẹ, con

1. Người nhận cha, mẹ, con phải nộp Tờ khai (theo mẫu quy định). Trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên, thì phải có sự đồng ý của người hiện đang là mẹ hoặc cha, trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Kèm theo Tờ khai phải xuất trình các giấy tờ sau đây:

a) Giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao) của người con;

b)

3. Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp...

Điều 35. Bổ sung, cải chính Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con:

1. Căn cứ vào Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh cho người con ghi bổ sung phần khai về cha, mẹ trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh của người con, nếu phần khai về cha, mẹ trước đây để trống....”

Tại thời điểm ngày 29/12/2006, ông H1 nhận cháu Hoàng Thị Duy T3 là con thì ông H1 còn sống (chết ngày 01/12/2003); ông H1 lập tờ khai đăng ký nhận cháu Hoàng Thị Duy T3 là con thể hiện sự tự nguyện, không tranh chấp (không yêu cầu giám định) và được bà Đ đồng ý; UBND xã Hoài Đức ra Quyết định công nhận việc cha nhận con số 182/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo các Điều 32, 33, 34 và 35 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ nêu trên. Mặt khác, cháu T3 từ khi sinh ra đều sinh sống cùng ông H1 cho đến khi ông H1 chết, có mối quan hệ ruột thịt như các lời khai của chị Hoàng Thị Kim L, chị Th “vì trách nhiệm cũng như mong muốn theo ý chí của mình nên cha tôi kê khai Hoàng thị T3 là con...”, “Lúc ba còn sống theo ý ba nhà từ đường để cho em T3 và cô Đ ở...” và: “tôi có ý thức lo cho bé T3 được học hành đến nơi đến chốn, vì bé là máu mủ ruột thịt của chúng tôi”. Vì vậy, việc nguyên đơn cho rằng cháu T3 không phải là con của ông H1 là không đúng quy định của pháp luật và trái với ý chí của ông H1. Cho nên, cần xác định cháu T3 là con của ông H1 và cháu T3 được chia di sản thừa kế của ông H1 như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.4] Như vậy, hàng thừa kế di sản của ông Hoàng Văn H1, gồm có 8 người: Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị Kim L, chị Hoàng Thị Kiều L, anh Hoàng Anh V, chị Hoàng Kiều Th, anh Hoàng Anh T2, chị Hoàng Thị Ngọc Th1 và cháu Hoàng Thị Duy T3.

[3] Về chia thừa kế.

[3.1] Tổng giá trị di sản là 1.167.121.102 đồng; kỷ phần của mỗi thừa kế được hưởng là 1.167. 121.102 đồng: 8 = 145.890.125 đồng.

[3.2] Quá trình tố tụng các đương sự đều có yêu cầu nhận nhà và đất.

- Xét thấy bà Đ và cháu T3 đang sinh sống tại nhà đất tranh chấp, không còn nơi ở khác và là hộ nghèo. Do đó, cần chia cho bà Đ và cháu T3 một phần nhà đất tranh chấp để làm nơi ở; cụ thể: Bà Đ và cháu T3 được nhận nhà và đất trên diện tích $93,4m^2$ ($19,5m^2$ đất ở và $73,9m^2$ đất trồng cây lâu năm), chiều rộng giáp đường tỉnh lộ 630 là 3,49m, chiều dài 26,78m (vị trí lô 1- trích đo bản đồ ngày 04/8/2020 của Công ty CPTV Đạt Phương), giá trị là 127.937.200 đồng ($19,5m^2 \times 6.000.000đ/m^2$ và $73,9m^2 \times 148.000đ/m^2$).

- Chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị Kiều L, anh Hoàng Anh V, chị Hoàng Kiều Th, anh Hoàng Anh T2, chị Hoàng Thị Ngọc Th1 thống nhất chị L được sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ di sản được thừa kế. Do đó, chị Hoàng Thị Kim L được quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất diện tích đất còn lại là $285,5m^2$ (vị trí lô 2 và 3- trích đo bản đồ ngày 04/8/2020 của Công ty CPTV Đạt Phương)

- Giá trị công sức bà Đ được hưởng là 198.857.102 đồng + giá trị kỷ phần của cháu T3 được hưởng là 145.890.125 đồng. Tổng cộng 344.747. 227 đồng.

Như vậy, chị Hoàng Thị Kim L có nghĩa vụ thanh cho bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 số tiền là 216.808.027 đồng.

[4] Ngoài ra, bà Đ còn có yêu cầu truất quyền thừa kế của ông V, ông Toàn nhưng không có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự 2015 và yêu cầu chị L thanh toán lại tiền cho thuê 07 kiốt mà chị L đã thu giữ nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ; chị L không thừa nhận việc nhận tiền cho thuê kiốt. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Đ.

[5] Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3. Do kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 được chấp nhận nên bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Do sửa bản án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại án phí sơ thẩm (chi phí tố tụng bà Liên tự nguyện chịu và không kháng cáo)

Chị Hoàng Thị Kim L được nhận giá trị tài sản là 1.021.230.000 đồng (145.890.125 đồng X 7) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.630.000 đồng.

Bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí án dân sự sơ thẩm.

Các quyết định còn lại về chi phí tố tụng, về lãi chậm trả và quyền nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo và bị kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 618, 621, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 63 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Điều 32, 33, 34 và 35 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chị Hoàng Thị Kim L được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, có diện tích 285,5m² của thửa đất số 1833 tờ bản đồ số 09 (trong đó 136,5m² đất ở và 144,1m² đất vườn) tọa lạc tại thôn T1, xã A2, huyện H, tỉnh Bình Định (vị trí lô 2 và 3- trích đo bản đồ ngày 04/8/2020 của Công ty CPTV Đạt Phương).

Chị Hoàng Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 số tiền là 216.808.027 đồng. Trong đó, bà Đ được hưởng là 198.857.102 đồng; cháu T3 được hưởng là 145.890.125 đồng.

2. Bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, có diện tích 93,4m² của thửa đất số 1833 tờ bản đồ số 09 (trong đó 19,5m² đất ở và 73,9m² đất vườn) tọa lạc tại thôn T1, xã A2, huyện H, tỉnh Bình Định (vị trí lô 1- trích đo bản đồ ngày 04/8/2020 của Công ty CPTV Đạt Phương).

Có trích đo bản đồ ngày 04/8/2020 của Công ty CPTV Đạt Phương.

3. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy được miễn.

Chị Hoàng Thị Kim L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.630.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Đ và cháu Hoàng Thị Duy T3 không phải chịu;

4. Các quyết định còn lại về chi phí tố tụng, về lãi chậm trả và quyền nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo và bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh